

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
(VEAM)**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
KẾ HOẠCH NĂM 2019**
(Báo cáo Đại hội cổ đông lần thứ 3 - 2019)

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2019



Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2019

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
KẾ HOẠCH NĂM 2019**

I. TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung công ty cổ phần

- Tên gọi: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
- Trụ sở chính: Lô D, khu D1, Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội (toà nhà VEAM, ngõ 689 Lạc Long Quân).
- Điện thoại: +84-24-62.800.802; Fax: +84-24-62.800.809
- Website: www.veamcorp.com
- Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp: 0100103866, đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 31/8/2018.
- Vốn điều lệ: 13.288.000.000.000 đồng (mười ba nghìn hai trăm tám mươi tám tỷ đồng).

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) được thành lập ngày 12/5/1990.
- Ngày 01/7/2010, Công ty mẹ VEAM được chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên có tên gọi là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
- Ngày 24/01/2017, Công ty mẹ VEAM chính thức hoạt động là công ty cổ phần với tên gọi là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM).

3. Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của VEAM gồm các lĩnh vực: sản xuất lắp ráp và kinh doanh ô tô; đúc chi tiết chế tạo máy; kinh doanh thương mại; đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác.

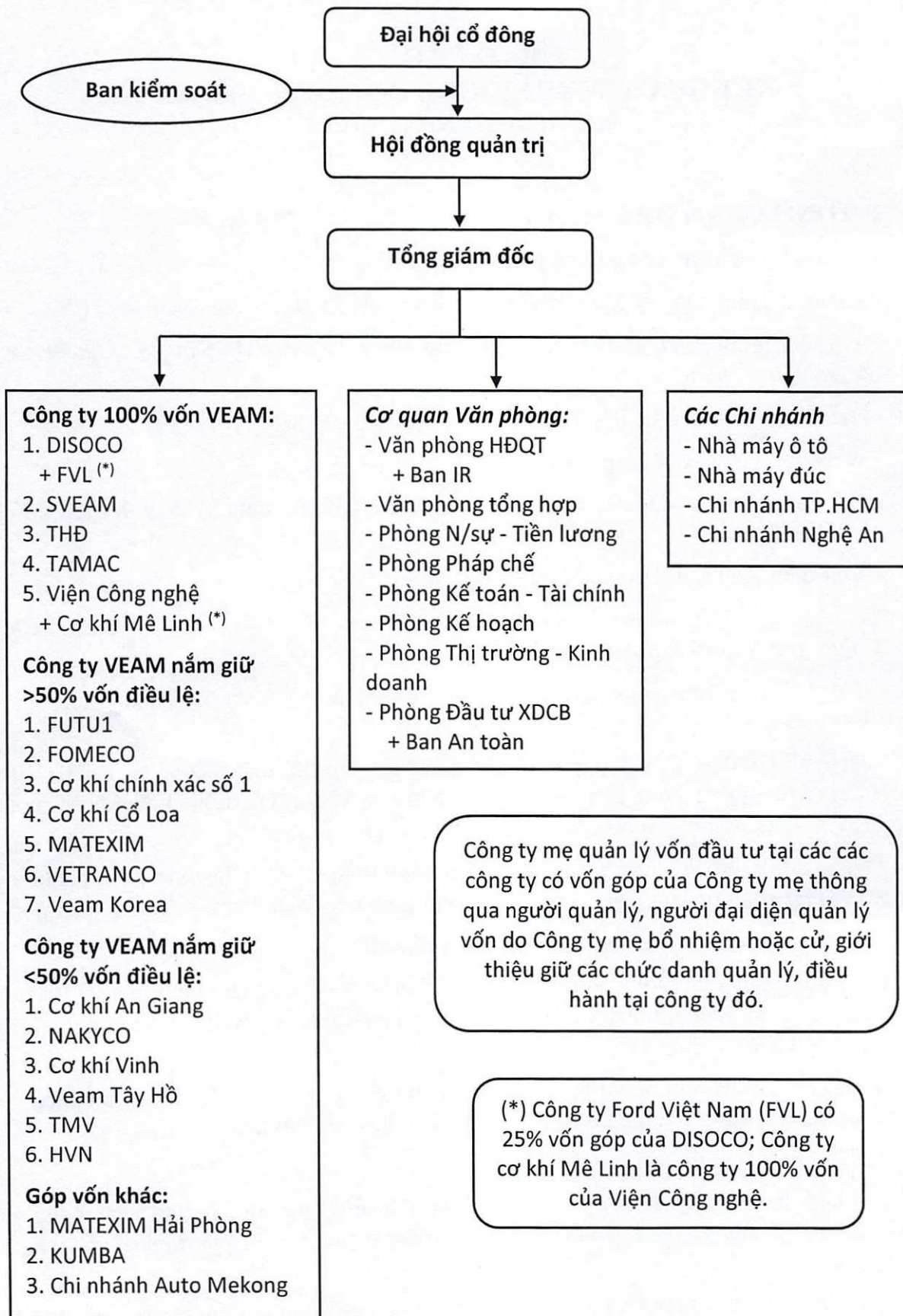
VEAM đầu tư tài chính dài hạn tại các doanh nghiệp trong các lĩnh vực: động cơ và máy nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ; ô tô, xe máy; kinh doanh khác.

4. Mô hình tổ chức, quản trị

Mô hình tổ chức, quản trị của VEAM (sơ đồ dưới đây) gồm cơ quan văn phòng và các chi nhánh (là các đơn vị hạch toán phụ thuộc được giao quyền trực tiếp sản xuất kinh doanh).

VEAM cử người quản lý, người đại diện vốn tại các công ty có vốn góp của VEAM là các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (một hoặc hai thành viên trở lên).

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VEAM
MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON



II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

1. Đặc điểm tình hình 2018

1.1. Thuận lợi

- Tình hình kinh tế xã hội ổn định, các chỉ số kinh tế vĩ mô khá tốt, tăng trưởng GDP cao hơn những năm gần đây.

- Thị trường xe máy và ô tô (trừ xe thương mại) có sự tăng trưởng tác động tích cực đến các công ty có vốn góp của VEAM hoạt động trong lĩnh vực này.

- VEAM hoàn thiện hơn trong quản lý và điều hành trong năm thứ 2 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

1.2. Khó khăn

- Thị trường động cơ, máy nông nghiệp tiếp tục cạnh tranh khó khăn. Chính sách thuế VAT bất lợi đối với sản xuất trong nước. Hầu hết công ty có vốn góp của VEAM hoạt động trong lĩnh vực này đều có kết quả suy giảm so với năm trước.

- Chi nhánh Nhà máy ô tô của VEAM gặp khó khăn về tiêu thụ hàng tồn kho cũng như phát triển các sản phẩm mới tiêu chuẩn khí thải Euro 4.

- Việc quyết toán bàn giao giữa công ty nhà nước và công ty cổ phần chưa thực hiện được là một yếu tố ảnh hưởng kế hoạch niêm yết trên sàn chứng khoán.

2. Kết quả hoạt động 2018

2.1. Kết quả sản xuất, kinh doanh

Kết quả thực hiện giá trị sản xuất, doanh thu, lợi nhuận 2018 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2017 (*)	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%)	
				4/2	4/3
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu BH và CCDV	2.543	3.539	2.927	115%	82%
+ SX công nghiệp	1.900	2.739	1.983	104%	72%
+ Thương mại	643	800	944	147%	118%
2. Doanh thu tài chính	994,4	5.137	5.495	552%	107%
3. Lợi nhuận sau thuế	522	4.908	5.224	1000%	106%

(*) Doanh thu, lợi nhuận 2017 tính từ 24/01/2017 đến 31/12/2017. Lợi nhuận 2017 thấp là do phần lợi nhuận 2016 từ các khoản đầu tư tài chính thuộc về công ty nhà nước trước 24/01/2017.

Hoạt động sản xuất công nghiệp thực hiện bởi Chi nhánh Nhà máy Đức (VF) tại khu công nghiệp Hiệp Phước (TP. Hồ Chí Minh) và Chi nhánh Nhà máy Ô tô (VM) tại thị xã Bim Sơn (tỉnh Thanh Hóa).

Hoạt động thương mại, dịch vụ được thực hiện bởi Văn phòng Công ty mẹ và Chi nhánh Nghệ An (khách sạn Cửa Lò).

Hoạt động đầu tư tài chính chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên kết. Ngoài ra, các đầu tư tài chính ngắn hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng.

2.1. Các chỉ số tài chính thực hiện

Kết quả sản xuất kinh doanh 2017 với niên độ từ 24/01/2017 đến 31/12/2017. Theo chính sách về cổ phần hóa, tất cả các khoản lợi nhuận của các công ty có vốn góp của VEAM phát sinh trong giai đoạn công ty nhà nước từ 01/01/2016 đến 23/01/2017 chia theo tỷ lệ vốn góp của VEAM được yêu cầu hạch toán doanh thu tài chính niên độ 2016. Chính vì vậy, có sự khác biệt rất lớn về doanh thu tài chính giữa hai năm 2018 và 2017 của báo cáo Công ty mẹ.

Niên độ kế toán của 2 công ty liên doanh TMV và HVN tính từ ngày 1/4 hàng năm đến 31/3 năm sau, nên lợi nhuận từ 24/01 đến 31/3/2017 của HVN và TMV được hạch toán doanh thu tài chính 2017 và được thể hiện ở chỉ tiêu lãi trong công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo hợp nhất 2017.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính	Năm 2017 (*)	Năm 2018	So sánh 3/2
1	2	3	4
A. Công ty mẹ			
1. Doanh thu thuần về BH & CCDV	2.543	2.927	115%
2. Lợi nhuận gộp	271	204	75%
+ Tỷ suất lợi nhuận gộp /doanh thu (%)	10,7%	7,0%	
3. Doanh thu tài chính	995	5.495	552%
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	522	5.224	1001%
5. Tỷ suất LNST/vốn điều lệ (%)	3,93%	39,3%	
B. Hợp nhất (*)			
1. Doanh thu thuần về BH & CCDV	6.563	7.070	108%
2. Lợi nhuận gộp	620	603	97%
+ Tỷ suất lợi nhuận gộp /doanh thu (%)	9,4%	8,5%	
3. Doanh thu tài chính	254	416	164%
4. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	5.170	6.852	133%
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.086	7.047	139%
6. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	5.046	7.010	139%
7. Lãi cơ bản (đồng)/cổ phiếu (EPS)	3.798	5.278	139%

(*) Đối với BCTC hợp nhất niên độ 2017 chỉ có Công ty mẹ và các công ty con 100% vốn VEAM thực hiện từ 24/01/2017 đến 31/12/2017; các công ty con khác thực hiện từ 01/01/2017 đến 31/12/2017.

3. Tình hình thị trường và sản phẩm 2018

3.1. Thị trường động cơ, máy nông nghiệp

Động cơ và máy nông nghiệp do các công ty có vốn góp của VEAM sản xuất và kinh doanh. Các thương hiệu sản phẩm chính gồm THĐ (Cơ khí Trần Hưng Đạo), Bông Sen (TAMAC), VINAPPRO & VIKYNO (SVEAM), Cơ khí An Giang. Các đơn vị khác cung ứng linh kiện cho sản phẩm động cơ, máy nông nghiệp như DISOCO, Nhà máy Đức. Công ty mẹ có một số hoạt động hỗ trợ cung ứng vật tư, linh kiện, cũng như xúc tiến thị trường tiêu thụ.

Năm 2018 hầu hết các sản phẩm có kết quả tiêu thụ giảm mạnh so với năm 2017 một phần do thị trường suy giảm, một phần do cạnh tranh khó khăn hơn.

TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh	
						6/4	6/5
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Động cơ các loại	cái	63.626	65.300	40.673	64%	62%
2	Máy kéo	"	4.780	5.340	3.104	65%	58%
3	Máy xay xát	"	9.301	10.000	7.019	75%	70%
4	Máy phát điện	"	1.474	1.550	947	64%	61%
5	Máy gặt	"	1.657	1.250	1.960	118%	157%
6	Bơm nước	"	3.777	3.850	2.323	62%	60%
7	Hộp số các loại	"	81.675	70.000	81.461	100%	116%

Sản phẩm xuất khẩu

Các sản phẩm xuất khẩu truyền thống gặp khó khăn về cạnh tranh năm 2018. Công nghiệp hỗ trợ phát triển tốt nên tổng kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng trưởng so với năm trước.

TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh	
						6/4	6/5
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Động cơ các loại	cái	9.832	10.200	9.563	97%	94%
2	Máy kéo	cái	1.476	1.800	692	47%	38%
3	Máy xay xát	"	1.061	1.100	900	85%	82%
4	Bơm nước	"	118	120	123	104%	103%
5	Ru lô cao su	cặp	86.029	90.000	74.289	86%	83%
*	Kim ngạch xuất khẩu	tr.\$	26,7	30,2	31,0	116%	103%

3.2. Công nghiệp hỗ trợ

Sản lượng lớn nhất là phụ tùng xe máy các loại. Phụ tùng ô tô chỉ bao gồm hộp số phụ cho xe tải và thùng xe tải. Các công ty tham gia chuỗi cung ứng của công nghiệp hỗ trợ chủ yếu gồm: FUTU1, FOMEKO, DISOCO, NAKYCO, SVEAM và Chi nhánh VF của Công ty mẹ.

TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh	
						6/4	6/5
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ru lô cao su	cặp	154.518	130.000	104.733	68%	81%
2	Phụ tùng máy động lực	tỷ đ	200	241	205	103%	85%
3	Phụ tùng xe máy	"	1.537	1.477	1.625	106%	110%
4	Phụ tùng ô tô	"	48,8	68,2	17,6	36%	26%
5	Vòng bi	tr.v	13,0	10,2	14,7	113%	144%

3.3. Thị trường ô tô xe máy

Các doanh nghiệp liên doanh của VEAM (TMV, HVN) vẫn có tăng trưởng về xe tiêu thụ so với 2017. HVN tiếp tục giữ thị phần xe máy cao ở trong nước.

Đơn vị tính: chiếc

Sản phẩm	Đơn vị	Tiêu thụ		Thị phần 2018	So sánh '18/'17
		2017	2018		
Ô tô (TMV, FVL, HVN)	TMV	60.303	64.444		110%
	+ CKD	41.960	51.832	24,0%	124%
	+ CBU	18.343	14.612		80%
	FVL	28.588	24.636		86%
	+ CKD	11.457	13.169	6,1%	115%
	+ CBU	17.131	11.467		67%
	HVN	12.134	27.099		223%
	+ CKD	10.436	10.851	5,0%	104%
	+ CBU	1.698	16.248		957%
Ô tô VAMA	Tổng	250.619	276.817		110%
	+ CKD	194.960	215.704	100%	111%
	+ CBU	55.659	61.113		110%
Xe máy	HVN	2.380.000	2.550.000	76%	107%

* Số liệu tiêu thụ ô tô là số bán lẻ. Thị phần chỉ tính xe CKD trong VAMA.

III. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 2019

1. Dự báo tình hình 2019

+ Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2018. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng 2019 dự báo thấp hơn so với 2018.

+ Các kế hoạch bàn giao cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, niêm yết trên thị trường chứng khoán có tốc độ thực hiện chậm bởi cả yếu tố chủ quan và khách quan.

+ Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ khó có tăng trưởng cao do cả yếu tố thị trường và đầu tư nâng cao năng lực đáp ứng.

+ Lĩnh vực động cơ và máy nông nghiệp tiếp tục khó khăn, Công ty mẹ không thể đầu tư khi chưa có phương án đột phá.

+ Kinh doanh ô tô của VM khó khăn do phụ thuộc nhiều vào khả năng đưa ra thị trường các sản phẩm phù hợp. Công ty mẹ đòi hỏi cải thiện chỉ tiêu tồn kho và hiệu quả sử dụng vốn.

2. Mục tiêu Công ty mẹ 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh 2019/2018
1. Doanh thu BH & CCDV	3.539	2.927	2.398	82%
+ Sản xuất công nghiệp	2.739	1.983	1.598	81%
+ Thương mại, dịch vụ	800	944	800	85%
2. Doanh thu tài chính	5.137	5.495	7.243	132%
3. Lợi nhuận sau thuế	4.908	5.224	6.402	123%
4. Lợi nhuận/vốn điều lệ	36,9%	39,3%	48,2%	

Doanh thu sản xuất công nghiệp giảm do phụ thuộc nhiều vào kết quả hoạt động của VM. VF tăng trưởng đều hàng năm, nhưng tỉ trọng nhỏ.

Doanh thu tài chính dự kiến khá tốt do lợi nhuận, cổ tức được chia từ kết quả hoạt động năm 2018 của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Tỉ suất lợi nhuận 2019 dự kiến ở mức khá cao. Phân phối lợi nhuận 2018 và 2019 sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến phân phối toàn bộ cho cổ đông.

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Căn cứ báo cáo tài chính và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VEAM tại thời điểm cuối năm 2019 được dự kiến như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	Giá trị 31/12/2017	Giá trị 31/12/2018	Giá trị 31/12/2019
A. TÀI SẢN	17.207	18.727	19.880
1. TS ngắn hạn	9.165	13.778	15.078
- Tiền & tương đương	2.091	205	133
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.800	8.618	10.000
- Phải thu ngắn hạn	2.270	3.327	3.484
- Hàng tồn kho	2.799	1.566	1.400
- Khác	205	61	61
2. TS dài hạn	8.043	4.949	4.802
- Phải thu dài hạn	617	620	580
- TSCĐ	828	790	800
- BĐS đầu tư	41	39	37
- TS dở dang	113	60	40
- Đầu tư TC dài hạn	6.362	3.362	3.278
+ Công ty con	2.199	2.793	2.810
+ Công ty liên doanh, liên kết	4.191	692	710
+ Khác	27	27	27
+ Dự phòng	(55)	(149)	(269)
- Khác	81	76	67
NGUỒN VỐN	17.207	18.727	19.880
1. Nợ phải trả	3.397	214	190
- Nợ ngắn hạn	3.363	203	190
- Nợ dài hạn	34	11	-
2. Vốn CSH	13.810	18.513	19.690

Số phải thu ngắn hạn cao vì có phần lợi nhuận được chia khá lớn trả vào đầu quý 1 và quý 2/2020.

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2019 chỉ gồm các đầu tư sửa chữa và bổ sung không lớn ở VM và VF.

Dự phòng đầu tư tài chính tăng là do hoạt động không hiệu quả ở một số đơn vị có 100% vốn VEAM.

4. Một số giải pháp thực hiện

a) Thúc đẩy các hoạt động của VF về duy trì và phát triển khách hàng, thu hút nguồn nhân lực, xem xét đánh giá các đầu tư cũ, nghiên cứu đầu tư bổ sung (kế hoạch ngắn hạn) và đầu tư thêm dây chuyền tự động (kế hoạch dài hạn).

b) Tìm kiếm đối tác và phát triển sản phẩm có tính ổn định, lâu dài; tiêu thụ tối đa số thành phẩm tồn kho lâu ngày; cải thiện hệ thống tiêu thụ; tăng cường quản trị nâng cao hiệu quả VM.

c) Đẩy nhanh tiêu thụ các sản phẩm xe Changan (đã ứng tiền mua linh kiện); định hình lại mô hình hợp tác với đối tác Changan.

d) Cải thiện việc kinh doanh thương mại của văn phòng VEAM đảm bảo hiệu quả và an toàn vốn sử dụng.

e) Quản lý chặt chẽ dòng tiền, tối ưu hóa lợi nhuận tiền gửi.

f) Định hướng các khoản đầu tư tài chính góp vốn tại các công ty cổ phần bao gồm tăng vốn điều lệ, giảm tỉ lệ cổ phần nắm giữ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp năng động hơn.

g) Xác định mô hình hoạt động và đầu tư phát triển trong dài hạn đối với các công ty 100% vốn VEAM và Viện Công nghệ.

h) Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động văn phòng VEAM theo hướng tiết kiệm chi phí, cân đối giữa chi phí và hiệu quả mang lại đối với từng hoạt động.

i) Cùng cố và phát triển các hợp tác trong các hợp đồng liên doanh đối với các đối tác trong lĩnh vực ô tô, xe máy.

j) Quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với các cổ đông và các nhà đầu tư, công khai, minh bạch, cập nhật kịp thời thông tin, lắng nghe ý kiến đóng góp của các cổ đông và các nhà đầu tư đối với hoạt động doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu VP, KH.



Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tuyền